

CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA UBCK NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO
DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty CP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao
2. Trụ sở chính: Khu Phương Lai, thị trấn Lâm Thao, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ
3. Điện thoại: (0210) 3825 139
4. Mã chứng khoán: LAS
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Lê Hồng Thắng

Chức vụ: Kế toán trưởng, Người được ủy quyền công bố thông tin

6. Loại thông tin công bố:

24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

7. Nội dung thông tin công bố:

Căn cứ vào thông báo 655/TB-KTNN ngày 30/12/2021 của Kiểm toán Nhà nước và chi tiết Báo cáo tài chính được kiểm toán theo phụ lục số 05/HSKT-KTNN;

Căn cứ vào số liệu Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành VI, Công ty xin được báo cáo lợi nhuận sau thuế tăng lên 9,123 tỷ đồng sau Kiểm toán Nhà nước.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 04/01/2022 tại đường dẫn <http://www.supelamthao.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

-Như kính gửi;

-Lưu VP.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

CÔNG BỐ THÔNG TIN



LÊ HỒNG THẮNG

Số : 05.../SPLT

V/v: Giải trình chênh lệch lợi
nhuận tăng 9,123 tỷ sau KTNN

Phú Thọ, ngày 04 tháng 01 năm 2022

- Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Quý cổ đông

Tên Công ty: Công ty CP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao

Địa chỉ: thị trấn Lâm Thao, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ

Mã chứng khoán: LAS

Công ty CP Supe Phốt phát và Hoá chất Lâm Thao đã lập Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020 và được kiểm toán bởi Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành VI Kiểm toán theo Quyết định số 1062/QĐ-KTNN ngày 17/6/2021 của Tổng Kiểm toán Nhà nước.

Kết quả của Kiểm toán Nhà nước về số liệu báo cáo tài chính năm 2020 theo thông báo số 655/TB-KTNN ngày 30 tháng 12 năm 2021 và kèm theo phụ lục số 05/HSKT-KTNN có những thay đổi sau:

1. Bảng cân đối kế toán.

Chỉ tiêu	Mã số	Số báo cáo Công ty	Số báo cáo kiểm toán NN	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1
TÀI SẢN				
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN	110	1.440.888.876.827	1.451.563.361.195	10.674.484.368
IV Hàng tồn kho	140	575.740.685.635	586.415.170.003	10.674.484.368
B- TÀI SẢN DÀI HẠN		328.183.420.439	329.873.869.487	1.690.449.048
II. Tài sản cố định	200	306.716.891.912	301.688.810.471	(5.028.081.441)
1.Tài sản cố định hữu hình	221	306.661.928.281	301.633.846.840	(5.028.081.441)
- Nguyên giá	222	1.660.809.893.842	1.654.708.744.262	(6.101.149.580)
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(1.354.147.965.561)	(1.353.074.897.422)	1.073.068.139
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	12.823.077.943	19.541.608.432	6.718.530.489
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12.823.077.943	19.541.608.432	6.718.530.489
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	1.769.072.297.266	1.781.437.230.682	12.364.933.416
NGUỒN VỐN				

C. NỢ PHẢI TRẢ	300	511.019.524.558	514.260.946.797	3.241.422.239
I. Nợ ngắn hạn	310	511.019.524.558	514.260.946.797	3.241.422.239
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	236.996.920.915	235.924.512.214	(1.072.408.701)
3. Thuế và các khoản nộp Nhà nước	313	6.070.173.573	10.623.078.015	4.552.904.442
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	27.927.447.918	27.688.374.416	(239.073.502)
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.258.052.772.708	1.267.176.283.885	9.123.511.177
I. Vốn chủ sở hữu	410	1.258.052.772.708	1.267.176.283.885	9.123.511.177
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22.315.101.816	31.438.612.993	9.123.511.177
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	1.769.072.297.266	1.781.437.230.682	12.364.933.416

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020


Chỉ tiêu	MS	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A		1	2	3=2-1
4. Giá vốn hàng bán	11	1.894.241.636.920	1.882.471.608.036	(11.770.028.884)
5. Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	20	399.352.054.329	411.122.083.213	11.770.028.884
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	137.272.520.618	136.677.616.086	(594.904.532)
10. Lợi nhuận thuần từ HĐSXKD	30	27.746.920.810	40.111.854.226	12.364.933.416
11. Thu nhập khác	31	2.725.366.645	4.036.848.848	1.311.482.203
12. Chi phí khác	32	2.986.691.344	4.284.598.367	1.297.907.023
13. Lợi nhuận khác	40	(261.324.699)	(247.749.519)	13.575.180
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	27.485.596.111	39.864.104.707	12.378.508.596
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	7.580.133.394	10.835.130.813	3.254.997.419
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	19.905.462.717	29.028.973.894	9.123.511.177

Căn cứ vào số liệu tại Báo cáo tài chính đã được Kiểm toán bởi Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành VI phát hành ngày 30 tháng 12 năm 2021 Công ty CP Supe Phốt phát và Hoá chất Lâm Thao xin được báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cùng toàn thể quý cổ đông những nguyên nhân chính làm biến động lợi nhuận sau thuế tăng lên 9,123 tỷ đồng là do:

- Giá vốn hàng bán giảm 11,770 tỷ đồng là do xác định lại giá trị hàng tồn kho.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 0,594 tỷ đồng là do tính lại khấu hao.
- Lợi nhuận khác tăng lên 0,013 tỷ đồng là do:

+ Các khoản công nợ phải trả người bán và phải trả khác lâu năm: 1,331 tỷ đồng không phải thanh toán nên thu nhập khác tăng lên,

+ Chi phí khác tăng lên 1,297 tỷ đồng là do dự án sản xuất Axít Sunfuaric 300.000 tấn/năm dừng nên không được khấu trừ thuế VAT đầu vào làm chi phí khác tăng lên.

Trên đây là giải trình của Công ty về các yếu tố làm chênh lệch số liệu kết quả kinh doanh sau Kiểm toán Nhà nước, Công ty CP Supe Phốt phát và Hoá chất Lâm Thao xin báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cùng toàn thể quý cổ đông của Công ty. 

Nơi nhận:

- Như kính gửi,
- Lưu: VP, TCKT.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Thanh Tùng

